

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2023/DS-ST**
Ngày: 31-8-2023
V/c “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chung;

Ông Bùi Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Hoàng Tuấn – Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 259/TB-TA ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị M, sinh năm: 1972; địa chỉ: thôn B, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn S, sinh năm: 1974, anh Phạm Quốc V, sinh năm: 1987; địa chỉ: đường P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2023.

Bị đơn: Ông Lại Xuân P, sinh năm: 1957; bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Ông S, anh V có mặt; ông P, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Quốc V là người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị M trình bày thì: Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 21/01/2023 vợ chồng ông P, bà H có vay của bà M số tiền 500.000.000 đồng, hạn hai tháng sẽ trả, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Khi vay ông P, bà H viết giấy vay tiền và ký nhận. Đến hạn trả nợ, bà M nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông P, bà H trả nợ nhưng vợ chồng ông P, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do lãi thỏa thuận giữa hai bên cao hơn quy định của pháp luật nên nguyên đơn xin điều chỉnh lãi là 20%/năm, lãi quá hạn là 30%/năm, cụ thể:

Lãi trong hạn tính từ ngày 21/01/2023 đến ngày 21/3/2023 là 500.000.000 đồng x 20%/năm x 02 tháng = 16.666.666 đồng.

Lãi quá hạn tính từ ngày 22/3/2023 đến ngày 13/7/2023 là 500.000.000 đồng x 30%/năm x 03 tháng 21 ngày = 46.250.000 đồng.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông P, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền 562.916.666 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 500.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 16.666.666 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 46.250.000 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức 30%/năm cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị H thì: Vợ chồng bà và bà M là hàng xóm. Quá trình quen biết thì vợ chồng bà có vay của bà M số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 21/01/2023, mục đích vay để mua đất. Thời hạn vay là hai tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ghi ngày 21/01/2023 là của vợ chồng bà.

Quá trình vay thì vợ chồng bà đã trả lãi cho bà M đến ngày 21/4/2023 với tổng số tiền là 67.500.000 đồng. Khi vợ chồng bà trả tiền lãi thì tháng đầu tiên bà M có viết giấy nhận tiền và đưa tờ giấy nhận tiền lãi cho bà, hiện tờ giấy này bà đang để ở nhà nên chưa cung cấp cho Tòa án được, bà sẽ về nhà tìm lại và sẽ cung cấp cho Tòa án trước khi Tòa án xét xử vụ án. Còn hai tháng sau bà trả tiền lãi cho bà M và yêu cầu bà M viết giấy nhận tiền nhưng bà M nói trả tiền lãi nên không phải viết giấy nhận tiền làm gì nên bà không có chứng cứ chứng minh việc vợ chồng bà đã trả lãi hai tháng này.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 562.916.666 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 500.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 16.666.666 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 46.250.000 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức 30%/năm cho đến khi

giải quyết xong vụ án thì vợ chồng bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền mà vợ chồng bà đã trả lãi là 67.500.000 đồng thì vợ chồng bà đề nghị được căn trừ vào số tiền lãi phải trả và tiền gốc đã vay của bà M.

Chồng bà là ông P có biết việc Tòa án triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng do có việc bận nên không đến Tòa làm việc được.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông P, bà H có trách nhiệm liên đới trả số tiền 582.916.666 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 500.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/01/2023 đến ngày 21/3/2023 là $500.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 02 \text{ tháng} = 16.666.666 \text{ đồng}$; tiền lãi quá hạn tính từ ngày 22/3/2023 đến ngày 31/8/2023 là $500.000.000 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 05 \text{ tháng} 09 \text{ ngày} = 66.250.000 \text{ đồng}$). Yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 29/2023/QĐ-APBPKCTT ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

Bị đơn ông P, bà H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông P, bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng bị đơn là bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc ông P, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền 582.916.666 đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.666.666 đồng, tiền lãi quá hạn là 66.250.000 đồng).

Về án phí: Do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí cho bị đơn; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu ông P, bà H thanh toán nợ vay nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ, bị đơn ông P, bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Bà M khởi kiện yêu cầu ông P, bà H có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng thì thấy rằng: Tại giấy mượn tiền ghi ngày 21/01/2023 ông P, bà H vay của bà M số tiền 500.000.000 đồng, hạn hai tháng sẽ trả nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà H thừa nhận vào ngày 21/01/2023 vợ chồng bà có vay của bà M số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay để mua đất. Thời hạn vay là hai tháng. Chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ghi ngày 21/01/2023 là của vợ chồng bà H, ông P; bà H cũng thừa nhận vợ chồng bà chưa trả tiền nợ gốc cho bà M nên yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu vợ chồng ông P, bà H có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả lãi của bà M thì thấy rằng: Tại giấy mượn tiền ghi ngày 21/01/2023, ông P, bà H vay của bà M số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đến hạn trả nợ, nhưng vợ chồng ông P, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do lãi thỏa thuận giữa hai bên cao hơn quy định của pháp luật nên nguyên đơn điều chỉnh lãi trong hạn tính từ ngày 21/01/2023 đến ngày 21/3/2023 là 02 tháng với mức lãi suất 20%/năm là 16.666.666 đồng. Lãi quá hạn tính từ ngày 22/3/2023 đến ngày 31/8/2023 là 05 tháng 09 ngày với mức lãi suất 30%/năm là 66.250.000 đồng. Bị đơn bà H trình bày đã trả lãi cho bà M số tiền 67.500.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã trả số tiền lãi là 67.500.000 đồng cho bà M; bà M lại không thừa nhận. Yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu trả lãi này của nguyên đơn.

Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M; buộc ông P, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền 582.916.666 đồng

(trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.666.666 đồng, tiền lãi quá hạn là 66.250.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông Lại Xuân P, sinh năm: 1957, bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962 thuộc trường hợp “*Người cao tuổi*” nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị M về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự tài sản*” đối với ông Lại Xuân P, bà Nguyễn Thị H, xử:

1. Buộc ông Lại Xuân P, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị M số tiền 582.916.666 (*Năm trăm tám mươi hai triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu*) đồng (trong đó tiền nợ gốc chưa trả là 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng, tiền lãi trong hạn là 16.666.666 (*Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu*) đồng, tiền lãi quá hạn là 66.250.000 (*Sáu mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông P, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 29/2023/QĐ-APBPCTT ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Về án phí:

Ông Lại Xuân P, sinh năm: 1957, bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962 thuộc trường hợp “*Người cao tuổi*” nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Mai Thị M số tiền 13.385.400 (*Mười ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0013991 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Riêng bị đơn ông P, bà H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (*Mười lăm*) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đoàn Văn Chiến

